

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 3 năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 126/TTr-TNMT ngày 21/3/2024.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH KJ Tech, địa chỉ trụ sở chính tại Một phần lô CNSG-07, Khu công nghiệp Vân Trung, phường Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy KJ Tech” tại Lô CNSG-07, KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của cơ sở**

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy KJ Tech

1.2. Chủ cơ sở: Công ty TNHH KJ Tech

1.3. Địa điểm hoạt động: Lô CNSG-07, KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 2400874408, do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 29/10/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 19/9/2022.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 7642716266, do Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp, chứng nhận lần đầu ngày 25/10/2019, chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 16/11/2023.

1.5. Mã số thuế: 2400874408.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Sản xuất, gia công linh kiện điện tử, chi tiết: Sản xuất, gia công bảng mạch điện tử sử dụng cho điện thoại và các thiết bị điện và điện tử khác.

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Phạm vi: Cơ sở được thực hiện tại Lô CNSG-07, KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với tổng diện tích khoảng 5.000 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất lớn.

- Công suất của Cơ sở:

+ Sản xuất, gia công linh kiện điện tử, chi tiết: Sản xuất, gia công bảng mạch điện tử sử dụng cho điện thoại và các thiết bị điện và điện tử khác, công suất 9.000.000 sản phẩm/năm.

+ Cho thuê nhà xưởng và nhà văn phòng: Nhà xưởng số 1: diện tích 1.666,72 m<sup>2</sup>; khối văn phòng tầng 2: diện tích 162,1 m<sup>2</sup>; khối văn phòng tầng 3: diện tích 242 m<sup>2</sup>.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Quyết định này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH KJ Tech được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH KJ Tech có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

## 2. Công ty TNHH KJ Tech có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh Bắc Giang, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND thị xã Việt Yên nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 07 (bảy) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nhà máy KJ Tech” của Công ty TNHH KJ Tech làm chủ dự án và các giấy phép môi trường thành phần (*nếu có*) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Nhà máy KJ Tech” tại Lô CNSG-07, KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang do Công ty TNHH KJ Tech làm chủ cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Đoàn kiểm tra cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 17/QĐ-TNMT ngày 05/01/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty TNHH KJ Tech được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy KJ Tech” tại Lô CNSG-07, KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

**Điều 5.** Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang; UBND thị xã Việt Yên, UBND phường Vân Trung, Công ty TNHH KJ Tech và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ dự án (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Công thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- + Lưu: VT, KTN.Việt Anh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Ô Pích**

## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do:

- Nước thải từ hệ thống lọc nước RO được tận dụng để tưới cây trong khu vực Nhà máy.

- Nước thải sinh hoạt, nước thải nhà bếp của Công ty TNHH KJ Tech và các đơn vị thuê xưởng, nước thải sản xuất (từ quá trình phun rửa bảng mạch) của Công ty TNHH KJ Tech được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 10m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Vân Trung (do Công ty Cổ phần S&G xây dựng, quản lý và vận hành) để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A sau đó xả thải ra môi trường (Biên bản đầu nối hạ tầng kỹ thuật tại KCN Vân Trung ngày 31/3/2020 giữa Công ty Cổ phần S&G và Công ty TNHH KJ Tech), cơ sở không xả nước thải trực tiếp ra môi trường. Số lượng điểm đầu nối: 01 điểm đầu nối. Vị trí đầu nối (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107<sup>0</sup>, múi chiếu 3<sup>0</sup>): X = 2349558, Y = 411562.

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn (04 bể, gồm 01 bể tại nhà vệ sinh gần khu vực nhà bảo vệ, thể tích 6 m<sup>3</sup>; 01 bể tại nhà vệ sinh nằm giữa kho chất thải và nhà để xe máy, thể tích 6 m<sup>3</sup>; 01 bể tại nhà vệ sinh nằm phía sau nhà ăn, thể tích 6 m<sup>3</sup>; 01 bể tại khu vực nhà xưởng và văn phòng, thể tích 12 m<sup>3</sup>), sau đó được thu gom bằng đường ống PVC DN140-DN200 chiều dài 171,17 m đưa về hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày để tiếp tục xử lý.

- Nước thải nhà bếp được xử lý sơ bộ tại bể thu, tách dầu mỡ (03 bể thu mỡ, 01 bể tách mỡ sơ bộ trong nhà bếp, 01 bể tách mỡ tập trung, tổng thể tích 0,786m<sup>3</sup>) sau đó được thu gom bằng đường ống PVC DN140-DN200 chiều dài 171,17 m đưa về hệ thống xử lý nước thải công suất 10m<sup>3</sup>/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình phun rửa sản phẩm, được lọc bằng hệ thống lõi lọc lắp đặt trong máy rửa sản phẩm được đưa về bồn chứa thể

tích 3 m<sup>3</sup> sau đó được thu gom bằng đường ống PVC DN140-DN200 chiều dài 171,17 m đưa về về hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

Toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải nhà bếp và nước thải sản xuất sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 10m<sup>3</sup>/ngày.đêm của cơ sở được dẫn về hố gom nước thải chung của Cơ sở, sau đó đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Vân Trung bằng đường ống DN200 dài khoảng 4,4m.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải công suất 10m<sup>3</sup>/ngày đêm: Nước thải sau khi xử lý sơ bộ (nước thải sinh hoạt khu vệ sinh → Bể tự hoại 3 ngăn; nước thải nhà bếp → Bể tách mỡ và Nước thải sản xuất → Hệ thống lọc) → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể Anoxic (bể thiếu khí) → Bể hiếu khí MBBR → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng (nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B) → Hệ thống thu gom nước thải của KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Công nghệ xử lý nước thải: công nghệ xử lý sinh học MBBR.

- Công suất thiết kế: 10m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

+ Xút vảy (NaOH): 250 kg/năm;

+ Mật rỉ đường: 300 kg/năm;

+ Metanol: 138 kg/năm;

+ Clorin dạng bột: 100 kg/năm;

+ Men vi sinh BioEM N1: 30 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật và tuân thủ định mức hóa chất. Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất, tư vấn thiết kế; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Thường xuyên bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các thiết bị hỏng hóc, các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Kiểm tra hệ thống thu gom, xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Đảm bảo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao (như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó với sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Phải dừng hoạt động hệ thống xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của hệ thống xử lý nước thải và phải dừng hoạt động của hệ thống khắc phục sự cố trong vòng 1 ngày, thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý.

- Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố như một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể.

Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý cần liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ tháng 5/2024 đến tháng 6/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 10m<sup>3</sup>/ngày.đêm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Trước và sau hệ thống xử lý nước thải công suất 10m<sup>3</sup>/ngày.đêm

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tương ứng theo QCVN 40:2011/BTNMT cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí lấy mẫu	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí nước thải đầu vào (tại bể thu gom)	Thực hiện lấy mẫu đơn 01 lần. Thời gian lấy mẫu ngày 22/5/2024.	pH, BOD <sub>5</sub> , COD, Chất rắn lơ lửng, Sunfua, Amoni, Tổng nito, Tổng phốt pho, Tổng dầu mỡ khoáng,	QCVN 40:2011/ BTNMT, cột B
2	01 vị trí nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải, tại hố ga đầu	Lấy mẫu đơn 01 lần/ngày, trong vòng 03 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau:		

TT	Vị trí lấy mẫu	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
	nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Vân Trung	- Lần 1: Ngày 22/5/2024 - Lần 2: Ngày 23/5/2024 - Lần 3: Ngày 24/5/2024	Coliform	

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Vân Trung (phần do Công ty Cổ phần S&G quản lý). Không được phép lấp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

#### 3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang, UBND thị xã Việt Yên để kịp thời xử lý.



**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải:** có 02 nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải từ công đoạn cắt bảng mạch tại 15 máy CNC (phía bên phải xưởng)

- Nguồn số 02: Khí thải từ công đoạn cắt bảng mạch tại 15 máy CNC (phía bên trái xưởng)

**2. Dòng khí thải và vị trí xả khí thải**

**2.1. Dòng khí thải:** có 02 dòng khí thải

- Dòng khí thải số 01: Khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải số 1 (xử lý khí thải phát sinh từ 15 máy cắt CNC phía bên phải xưởng)

- Dòng khí thải số 02: Khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải số 2 (xử lý khí thải phát sinh từ 15 máy cắt CNC phía bên trái xưởng)

**2.2. Vị trí xả khí thải:** (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực  $107^0$ , múi chiều  $3^0$ ).

- 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải số 1, trước khi thải ra ngoài môi trường. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2349531,909; Y = 411528,479.

- 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải số 2, trước khi thải ra ngoài môi trường. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2349529,735; Y = 411527,139.

**2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

- Dòng khí thải số 01: 4.800 m<sup>3</sup>/giờ tương đương 76.800 m<sup>3</sup>/ngày.

- Dòng khí thải số 02: 4.800 m<sup>3</sup>/giờ tương đương 76.800 m<sup>3</sup>/ngày.

Tổng lưu lượng xả thải lớn nhất của 2 dòng khí thải: 9.600 m<sup>3</sup>/giờ.

**2.3.1. Phương thức xả khí thải:**

- Dòng khí thải số 1 và dòng khí thải số 2: Xả khí thải liên tục trong ca làm việc (2 ca/ngày, 8 giờ/ca).

**2.3.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B), cụ thể như sau:**

<b>TT</b>	<b>Các chất ô nhiễm</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm (QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B)</b>	<b>Tần suất quan trắc định kỳ</b>
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	200	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1000	
3	Nitơ oxit, NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	850	
4	Lưu huỳnh đioxit, (SO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	500	

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải.

Khí thải từ các máy cắt CNC phía bên phải nhà xưởng được thu gom bởi các ống thu khí Ø32 chiều dài 22,5m vào ống dẫn khí nhánh Ø75 chiều dài 52,5m và các ống dẫn khí chính Ø100 – Ø200 chiều dài 36,5m về hệ thống xử lý khí thải số 1.

Khí thải từ các máy cắt CNC phía bên trái nhà xưởng được thu gom bởi các ống thu khí Ø32 chiều dài 22,5m vào ống dẫn khí nhánh Ø75 chiều dài 52,5m và các ống dẫn khí chính Ø100 – Ø200 chiều dài 36,5m về hệ thống xử lý khí thải số 2

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải số 01, hệ thống xử lý khí thải số 2: Khí thải → Ống thu khí → Thiết bị xử lý bụi (bao gồm thùng chứa, quả lọc, túi thu bụi) → Quạt hút (công suất 4.800 m<sup>3</sup>/giờ) → Ống giảm thanh → Ống thoát khí (Khí thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B).

- Công suất thiết kế:

+ Hệ thống xử lý khí thải số 1: 4.800 m<sup>3</sup>/giờ.

+ Hệ thống xử lý khí thải số 2: 4.800 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng sử dụng cho hệ thống xử lý khí thải:

+ Lõi lọc bụi: 75kg/năm/hệ thống.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

##### 1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố môi trường

- Luôn dự trữ trong kho của cơ sở đầy đủ các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải, đặc biệt là các thiết bị hay hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn khí, quạt hút... trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn, đồng thời dừng hoạt động tại các điểm có sự cố và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của nhân viên cơ điện và nhân viên phụ trách vận hành hệ thống xử lý khí thải tại cơ sở, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

- Có nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Định kỳ 03 tháng/lần kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải để phát hiện hỏng hóc và sửa chữa kịp thời.

- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Lắp đặt hệ thống thoát khí dự phòng gồm: Quạt hút (công suất 3.600 m<sup>3</sup>/giờ), Van điều chỉnh, Ống giảm thanh, Ống thoát khí. Chỉ vận hành hệ thống quạt hút, ống thoát khí dự phòng khi hệ thống quạt hút khí thải của hệ thống xử lý khí thải số 1 và số 2 gặp sự cố tạm dừng hoạt động.

##### 1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố môi trường

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại nhà máy, đồng thời dừng hoạt động và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

- Khi hệ thống quạt hút đưa khí thải thoát ra ngoài môi trường qua ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 1 và số 2 xảy ra sự cố, không vận hành được: Đóng van thoát khí ra ngoài môi trường qua 2 ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 1 và số 2, khí thải sau xử lý được quạt hút dự phòng đẩy qua ống thoát khí dự phòng ra ngoài môi trường.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ tháng 5/2024 đến tháng 6/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải số 01 công suất 4.800 m<sup>3</sup>/giờ

- Hệ thống xử lý khí thải số 02 công suất 4.800 m<sup>3</sup>/giờ

#### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải số 01.

- 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải số 02.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm của dòng thải (theo nội dung được cấp phép tại phần A phụ lục này).

#### 2.3. Tần suất lấy mẫu

\* Hệ thống xử lý khí thải số 01:

TT	Vị trí giám sát	Tần suất giám sát	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải số 1	- Lấy mẫu trong vòng 03 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau: - Lần 1: Ngày 22/5/2024 - Lần 2: Ngày 23/5/2024 - Lần 3: Ngày 24/5/2024	Bụi tổng, CO, NO <sub>x</sub> , SO <sub>2</sub>	QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B

\* Hệ thống xử lý khí thải số 02:

TT	Vị trí giám sát	Tần suất giám sát	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải số 2	- Lấy mẫu đơn 01 lần/ngày. Lấy mẫu trong vòng 03 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau: - Lần 1: Ngày 22/5/2024 - Lần 2: Ngày 23/5/2024 - Lần 3: Ngày 24/5/2024	Bụi tổng, CO, NO <sub>x</sub> , SO <sub>2</sub>	QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã

được cấp, phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh, UBND thị xã Việt Yên để kịp thời xử lý.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /3/2024*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:** 03 nguồn phát sinh

- Nguồn số 1: Tại khu vực hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 2: Tại khu vực xưởng sản xuất.
- Nguồn số 3: Tại khu vực đặt hệ thống xử lý khí thải.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung** (*Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107<sup>0</sup>, múi chiếu 3<sup>0</sup>*).

+ Vị trí 01: Tiếng ồn độ rung từ khu vực nhà điều hành của hệ thống xử lý nước thải, tọa độ: X = 2349557; Y = 411557.

+ Vị trí 02: Tiếng ồn độ rung từ xưởng sản xuất, tọa độ: X = 2349489; Y = 411530;

+ Vị trí 03: Tại khu vực đặt hệ thống xử lý bụi, khí thải, tọa độ: X = 2349528 ; Y = 411526.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn hiện hành QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không thực hiện	<i>Khu vực thông thường</i>

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	<i>Khu vực thông thường</i>

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Thực hiện vận hành và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình hiện hành.

- Cố định móng cho các máy móc, thiết bị có độ rung cao.

- Định kỳ, thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng, tra dầu, mỡ các máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải, tiến hành khắc phục khi máy có hiện tượng lỗi.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /3/2024*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang vỡ, hỏng	Rắn	3,6	16 01 06
2	Bao bì cứng thải bằng nhựa (vỏ thùng đựng cùn,...)	Rắn	5,4	18 01 03
3	Găng tay, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại ( <i>nhiễm dầu, mỡ</i> )	Rắn	10,8	18 02 01
4	Dầu thải động cơ hộp số bôi trơn thải	Lỏng	28,8	17 02 03
5	Quả lọc nước	Rắn	180	08 02 04
6	Quả lọc bụi	Rắn	130	18 02 01
7	Bùn cặn nước thải sản xuất	Bùn	6.617	19 12 01
	<b>Tổng khối lượng</b>		<b>6.975,6</b>	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Nguyên liệu, sản phẩm lỗi hỏng	Rắn	1.620
2	Bavia, đầu mẫu nhựa thừa, vụn nhựa	Rắn	1.944
3	Bụi nhựa	Rắn	12,96
	Tổng khối lượng CTRCNTT trả lại nhà cung cấp		3.577



4	Bao bì carton, nilon, khay hồng, giấy lót thải,...	Rắn	216
5	Giẻ lau, găng tay thải (không nhiễm thành phần nguy hại),...	Rắn	86,4
	Tổng khối lượng CTCNTT Cơ sở tự lưu trữ và bàn giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển mang đi xử lý		302,4
	<b>Tổng khối lượng</b>		<b>3.879,36</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 32,5 kg/ngày, chủ yếu là thực phẩm thừa, nilon, tấm nhựa cứng,....

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại của Công ty TNHH KJ Tech**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Thiết bị lưu chứa:

+ Bố trí 6 thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy, dung tích 60 – 120 lít/thùng. Thùng có dán nhãn mã CTNH bên ngoài, cảnh báo CTNH với từng loại.

+ Đối với bùn cặn nước thải sản xuất (*nước chứa cặn phát sinh từ máy rửa sản phẩm*) được lưu chứa trong 01 thùng chứa chuyên dụng kích thước LxBxH = 0,6x0,6x0,8m tại nhà xưởng, đặt bên cạnh hệ thống máy rửa, không lưu trữ tại kho chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Diện tích: 4 m<sup>2</sup>, nằm bên ngoài nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho là một phần container tầng 2 lưu chứa chất thải nguy hại, có tường thép chịu lực, vách tôn, có cửa khóa, biển báo.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định, tần suất khoảng 01 tháng/lần.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Sử dụng các bao bì chuyên dụng để lưu chứa chất thải.

2.2.2. Kho /khu vực lưu chứa: 02 kho chứa, nằm bên ngoài nhà xưởng

- Diện tích kho chứa chất thải sản xuất bao gồm 01 kho diện tích 5 m<sup>2</sup> và 01 kho diện tích 3 m<sup>2</sup>, cả 2 kho được bố trí nằm bên ngoài nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo của kho:

+ Đối với kho chứa diện tích 5 m<sup>2</sup> là một phần của container tầng 1 lưu chứa chất thải hoàn trả nhà cung cấp, kích thước dài x rộng x cao = 2,5m x 2m

x 2m. Container kết cấu bằng thép, có cửa khóa, có biển báo.

+ Đối với kho chứa diện tích 3 m<sup>2</sup> là một phần container tầng 2 lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường khác. Có tường thép, vách tôn, có cửa khóa, có biển báo.

+ Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường theo đúng quy định, tần suất khoảng 1 tuần/lần.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

#### 2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí các thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy, dung tích 12 – 60 lít/thùng đặt tại khu vực văn phòng, nhà xưởng, nhà ăn, sân đường nội bộ để thu gom rác sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên.

#### 2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích: 3 m<sup>2</sup>, được bố trí nằm bên ngoài nhà xưởng.
- Thiết kế, cấu tạo: Kho là một phần container tầng 2. Có tường thép, vách tôn, có cửa khóa và biển báo.
- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định, tần suất khoảng 1 tuần/lần.

### **3. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại của các đơn vị thuê xưởng**

- Đối với Công ty TNHH dịch vụ IS Tech (đơn vị thuê nhà xưởng): Thuê một phần kho của Chủ cơ sở tại container tầng 1 với diện tích 5m<sup>2</sup> và tại container tầng 2 với diện tích 10m<sup>2</sup> (*Theo thỏa thuận tại Phụ lục số KJ-IS/RT ngày 10/02/2024 kèm theo Hợp đồng ngày 28/03/2021*).

- Đối với Công ty TNHH JD Cube (đơn vị thuê nhà xưởng) tự bố trí kho chứa chất thải rắn trên phần diện tích đất phụ trợ của Chủ cơ sở.

- Các đơn vị thuê nhà xưởng tự chịu trách nhiệm thu gom, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động tại cơ sở mình và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định. Các biện pháp thu gom, xử lý của từng doanh nghiệp được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố kịp thời; chỉ được tiếp tục hoạt động cơ sở khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

**Phụ lục 5**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /3/2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

**Công ty TNHH KJ Tech có trách nhiệm:**

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện, hoạt động của Cơ sở. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực hoạt động của cơ sở.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở đảm bảo đạt Cột B, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN, đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành 02 hệ thống xử lý khí thải của cơ sở để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của cơ sở đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của cơ sở với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang, UBND thị xã Việt Yên trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 126/TTr-TNMT ngày 21/3/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở.